



HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM
HỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

LÊ THÀNH NAM - SÂN CHÁNG

(Đồng chủ biên)

TRẦN ĐỨC TOÀN - PHAN CHÍ CƯỜNG

TÍN NGƯỠNG THEN GIẤY Ở LÀO CAI



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

LÊ THÀNH NAM - SÀN CHÁNG

(Đồng chủ biên)

TRẦN ĐỨC TOÀN - PHAN CHÍ CƯỜNG

TÍN NGƯỠNG THEN GIẤY Ở LÀO CAI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

14

**ĐỀ ÁN BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ
TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT
CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM**

Cố vấn Ban Chỉ đạo: Nhà thơ Hữu Thịnh
Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

BAN CHỈ ĐẠO

1. Nhà văn Tùng Điền (Trần Quang Điền) *Trưởng ban*
2. Nhà nghiên cứu, TS. Đoàn Thanh Nô *Phó Trưởng ban Thường trực*
3. TS. Trịnh Thị Thủy *Phó Trưởng ban*
4. Nhạc sĩ Nông Quốc Bình *Ủy viên kiêm Giám đốc*
5. GS.TS. Nguyễn Xuân Kính *Ủy viên*
6. PGS.TS. Lâm Bá Nam *Ủy viên*
7. ThS. Vũ Công Hội *Ủy viên*
8. ThS. Phạm Văn Trường *Ủy viên*
9. ThS. Nguyễn Nguyên *Ủy viên*
10. ThS. Nguyễn Ngọc Bích *Ủy viên*

Giám đốc

Nhạc sĩ Nông Quốc Bình

LỜI GIỚI THIỆU

Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, mái nhà chung của các Hội Văn học nghệ thuật cả nước. Liên hiệp gồm 74 tổ chức thành viên với trên 45.000 hội viên là văn nghệ sĩ thuộc các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương và các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Trải qua gần 25 năm hình thành và phát triển, đến nay Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam đã có hơn một nghìn hội viên, trong đó gần 600 hội viên là người dân tộc thiểu số hoạt động tại 34 tổ chức cơ sở và các chi hội, tỉnh thành hội trong cả nước. Trong giai đoạn từ năm 1999 đến nay, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đã có hàng nghìn công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam được sưu tầm, nghiên cứu, biên dịch, sáng tạo.

Bộ sách này là một phần của Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam”, với mục tiêu là thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước nhằm bảo tồn, phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam; quảng bá di sản văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam với bạn bè thế giới; góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bổ sung nguồn tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi, giao lưu và phát triển văn hóa giữa các tộc người, nhân dân trong và ngoài nước, với cộng đồng quốc tế.

Bộ sách là kết quả từ kho tài liệu hàng nghìn công trình, tác phẩm đã được nghiên cứu, sưu tầm, biên dịch, sáng tạo qua nhiều thế hệ tác giả, nghệ nhân, hội viên của Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện bộ sách, Ban Chi đạo mong nhận được góp ý của quý bạn đọc gần xa.

T.M BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN

Nhà văn Tùng Điền
Phó Chủ tịch Thường trực
Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

CHƯƠNG I

KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI GIẤY Ở LÀO CAI

I. TÊN GỌI, DÂN SỐ, LỊCH SỬ TỘC NGƯỜI

1. Tên gọi

Người Giấy tự gọi mình là “*Pú Giấy*” hoặc “*Hún Giấy*”. Trong hai cách gọi này thì từ “*Pú*” và “*Hún*” đều có nghĩa là “Người”, còn từ “*Giấy*” không có nghĩa cụ thể.

Các dân tộc khác gọi người Giấy với nhiều tên gọi khác nhau, cụ thể: người Tày gọi người Giấy là “*Dǎng*”, “*Nhǎng*”; người Hmông gọi người Giấy là “*Xúa*”, người Dao gọi người Giấy là “*Sau*”, người Kinh hay gọi người Giấy là “*Nhǎng*”⁽¹⁾...

2. Dân số, địa bàn cư trú

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, người Giấy ở Việt Nam có dân số 58.617 người, cư trú tại 39 trên tổng số 63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, người Giấy

(1) Sần Chàng, *Một số phong tục tập quán dân tộc Giấy Lào Cai*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội 2003, tr.7.

cư trú tập trung tại các tỉnh: Lào Cai (28.606 người, chiếm 48,8% tổng số người Giáy tại Việt Nam), Hà Giang (15.157 người, chiếm 25,9% tổng số người Giáy tại Việt Nam), Lai Châu (11.334 người), Yên Bái (2.329 người).

Tại Lào Cai, người Giáy có mặt ở tất cả các huyện, thành phố, nhưng cư trú tập trung tại các xã, huyện sau:

- Huyện Bát Xát có 12.779 người, (chiếm 44,67% tổng số người Giáy ở Lào Cai) cư trú tập trung tại: Thị trấn Bát Xát (118 người), xã Nậm Chạc (266 người), xã Trịnh Tường (643 người); xã Bản Vược (551 người); xã Bản Qua (2.744 người); xã Mường Vi (1.450 người), xã Bản Xèo (281 người), xã Mường Hum (806 người), xã Quang Kim (3.366 người), xã Cốc San (2.137 người) và rải rác tại các xã còn lại trên địa bàn huyện.

- Thành phố Lào Cai có 6.243 người, cư trú tập trung ở các xã, phường: Duyên Hải (88 người), Phố Mới (242 người), Cốc Lếu (104 người), Kim Tân (195 người); Bắc Lệnh (162), Bắc Cường (795 người), Nam Cường (638 người), Cam Đường (214 người), xã Tả Phời (1.608 người), xã Hợp Thành (916 người), xã Đồng Tuyển (1.041 người), xã Vạn Hòa (121 người) và rải rác ở các phường còn lại.

- Huyện Bảo Thắng có 3.294 người, cư trú tập trung tại các xã, thị trấn: Phong Hải (121 người), Phố Lu (93 người), Bản Phiệt (763 người), Bản Cầm (1.177 người), Thái Niên (798 người), Gia Phú (136 người), Xuân Giao (96 người) và rải rác tại các xã còn lại trên địa bàn huyện.

- Huyện Mường Khương có 2.613 người, cư trú tập trung tại các xã, thị trấn: Lùng Vai (757 người), Bản Lầu (838 người), Bản Sen (894 người) và rải rác tại các xã còn lại trên địa bàn huyện.

- Huyện Văn Bàn có 2.145 người, cư trú tập trung tại các xã, thị trấn: Khánh Yên (258 người), Chiềng Ken (513 người), Làng Giàng (1.070 người), Thẩm Dương (221 người) và rải rác tại các xã còn lại trên địa bàn huyện.

- Huyện Sa Pa có 751 người, cư trú tập trung tại thị trấn Sa Pa (92 người) và xã Tả Van (610 người).

Người Giáy ở Lào Cai cư trú tập trung thành từng làng, tiếng Giáy gọi là “luông”, hay bản gọi là “bán” hoặc mường gọi là “mường”. Tuy nhiên, làng của người Giáy thường xen kẽ với làng của các dân tộc khác trong một xã hoặc cụm xã. Đó có thể là làng của người Tày, người Nùng, người Dao, người Hmông hoặc người Kinh (Việt). Ngoài ba cách gọi địa danh như trên người Giáy còn dùng “pương” để chỉ một vùng, một khu vực hoặc một quốc gia.

3. Lịch sử tộc người

Người Giáy có nguồn gốc từ Trung Quốc di cư vào Việt Nam khoảng cuối thế kỷ 18 (cách đây khoảng 200 năm). Tiếng Giáy thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, ngữ hệ Thái - Ka Đai. Họ có chữ viết riêng dựa trên chữ Hán